

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **45** /2016/TT-BYT

Hà Nội, ngày **20** tháng **12** năm 2016

ĐĂNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ

ĐẾN Giờ:
Ngày: **13/01/17**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ ...**C**... Ngày ...**13/01**.....

Kính chuyển: **TT**

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 08 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Dược;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định Danh mục thuốc dùng cho người và mỹ phẩm nhập khẩu vào Việt Nam đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Điều 1. Ban hành danh mục

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục thuốc dùng cho người và mỹ phẩm nhập khẩu vào Việt Nam đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, bao gồm:

1. Danh mục 1: mã số hàng hóa nguyên liệu làm thuốc là dược chất dùng cho người nhập khẩu vào Việt Nam;
2. Danh mục 2: mã số hàng hóa thuốc bán thành phẩm nhập khẩu vào Việt Nam;
3. Danh mục 3: mã số hàng hóa thuốc thành phẩm chỉ chứa 01 thành phần dược chất nhập khẩu vào Việt Nam;
4. Danh mục 4: mã số hàng hóa của thuốc thành phẩm dạng phối hợp nhập khẩu vào Việt Nam;
5. Danh mục 5: mã số hàng hóa dược liệu nhập khẩu vào Việt Nam;
6. Danh mục 6: mã số hàng hóa nhựa, gôm, các chất nhựa từ dược liệu và chiết xuất từ dược liệu nhập khẩu vào Việt Nam;
7. Danh mục 7: mã số hàng hóa tinh dầu làm thuốc nhập khẩu vào Việt Nam;
8. Danh mục 8: mã số hàng hóa mỹ phẩm nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 2. Quy định sử dụng danh mục

1. Danh mục thuốc dùng cho người và mỹ phẩm nhập khẩu vào Việt Nam đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi là cơ sở để khai báo hải quan khi nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Cá nhân, tổ chức khi nhập khẩu thuốc dùng cho người và mỹ phẩm vào Việt Nam căn cứ vào danh mục ban hành kèm theo Thông tư này để khai hải quan.

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến mã số hàng hóa trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế) hoặc Cục Quản lý Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế) sẽ chủ trì phối hợp với Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) xem xét lại để thống nhất và quyết định mã số.

3. Khi nhập khẩu thuốc dùng cho người và mỹ phẩm chưa có trong Danh mục này, việc khai hải quan thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **06** tháng **02** năm **2017**.

Quyết định số 41/2007/QĐ-BYT ngày 20 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục thuốc dùng cho người và mỹ phẩm nhập khẩu vào Việt Nam đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

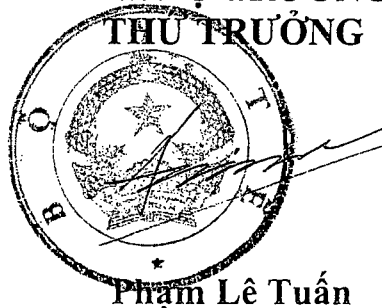
2. Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế), Cục Quản lý Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế), các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị y tế ngành và tổ chức, cá nhân trong nước và người nước ngoài có hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu thuốc và mỹ phẩm vào Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế), Cục Quản lý Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Y tế các ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, QLD (03b), PC (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Lê Tuấn

DANH MỤC 1: MÃ SỐ HÀNG HÓA NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC LÀ DƯỢC CHẤT DÙNG CHO NGƯỜI NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 45 /2016/TT-BYT

ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế)

STT	Mô tả hàng hóa		Mã số hàng hóa		
	Tên bán thành phẩm	Dạng dùng			
1	17 beta Estradio	Các dạng	2937	23	00
2	2, 4 Dichlorobenzyl Alcohol	Các dạng	2906	29	00
3	5-Fluorouracil	Các dạng	2933	59	00
4	Abacavir	Các dạng	2933	99	90
5	Acarbose	Các dạng	2932	99	90
6	Acebutolol	Các dạng	2924	29	90
7	Aceclofenac	Các dạng	2922	49	90
8	Acemetacin	Các dạng	2934	99	90
9	Acepifyline	Các dạng	2933	99	90
10	Acetazolamid	Các dạng	2935	00	00
11	Acetyl – L – carnitine	Các dạng	2923	90	00
12	Acetyl cystein	Các dạng	2930	90	90
13	Acetyl dihydrocodein	Các dạng	2939	19	00
14	Acetylcholine	Các dạng	2923	10	00
15	Acetylleucin	Các dạng	2924	19	00
16	Acetylspiramycin	Các dạng	2941	90	00
17	Acid 5 – Aminosaicylic	Các dạng	2922	50	90
18	Acid acetyl salicylic	Các dạng	2918	22	00
19	Acid Aminocaproic	Các dạng	2922	49	90
20	Acid Azelaic	Các dạng	2917	13	00
21	Acid boric	Các dạng	2810	00	00
22	Acid Folic	Các dạng	2936	29	00
23	Acid Folinic	Các dạng	2936	29	00
24	Acid Fusidic	Các dạng	2941	90	00
25	Acid Gadoteric	Các dạng	2931	90	90
26	Acid Mefenamic	Các dạng	2922	49	10
27	Acid Nalidixic	Các dạng	2933	99	90
28	Acid Nicotinic	Các dạng	2936	29	00
29	Acid Salicylic	Các dạng	2918	21	00
30	Acid Sorbic	Các dạng	2916	19	00
31	Acid Thiazoldin Carboxylic	Các dạng	2934	10	00
32	Acid tiaprofenic	Các dạng	2934	99	90
33	Acid Tranexamic	Các dạng	2922	49	90
34	Acid Ursodesoxycholique	Các dạng	2918	19	00
35	Acid Valproic	Các dạng	2915	90	90
36	Acid Zoledronic	Các dạng	2933	29	90
37	Acrivastine	Các dạng	2933	39	90
38	activated charcoal (than hoạt tính)	Các dạng	3802	10	00
39	Acyclovir	Các dạng	2933	59	90

40	Adalimumab	Các dạng	3002	10	90
41	Adefovir dipivoxil	Các dạng	2933	59	90
42	Adenosine	Các dạng	2934	99	90
43	Adpalene	Các dạng	2916	39	90
44	Adrenalin	Các dạng	2937	90	90
45	Aescin	Các dạng	2106	90	99
46	Agomelatine	Các dạng	2924	29	90
47	Albendazole	Các dạng	2933	99	90
48	Alcol polivinyl	Các dạng	3905	30	90
49	Alendronate	Các dạng	2931	90	90
50	Alfacalcidol	Các dạng	2936	90	00
51	Alfentanil	Các dạng	2933	33	00
52	Alfuzosin	Các dạng	2934	99	90
53	Alginic acid	Các dạng	3913	10	00
54	Alibendol	Các dạng	2924	29	90
55	Alimemazin	Các dạng	2934	30	00
56	Aliskiren	Các dạng	2924	29	90
57	Allobarbitol	Các dạng	2933	53	00
58	Allopurinol	Các dạng	2933	59	90
59	Allylestrenol	Các dạng	2937	23	00
60	Almagate	Các dạng	2942	90	90
61	Alpha amylase	Các dạng	3507	90	00
62	Alphaprodin	Các dạng	2933	39	90
63	Alprazolam	Các dạng	2933	91	00
64	Aluminium phosphate	Các dạng	2835	29	90
65	Alverine	Các dạng	2921	49	00
66	Ambroxol	Các dạng	2922	19	90
67	Amfepramon	Các dạng	2922	31	00
68	Amifostine	Các dạng	2930	90	90
69	Amikacin	Các dạng	2941	90	00
70	Aminazin	Các dạng	2934	30	00
71	Aminophylline	Các dạng	2939	59	00
72	Aminorex	Các dạng	2934	91	00
73	Aminosalicylate natri	Các dạng	2918	23	00
74	Amiodarone	Các dạng	2932	99	90
75	Amisulpride	Các dạng	2933	99	90
76	Amlodipine	Các dạng	2933	39	90
77	Amobarbital	Các dạng	2933	53	00
78	Amorolfine	Các dạng	2934	99	90
79	Amoxycillin	Các dạng	2941	10	19
80	Amphotericin	Các dạng	2941	90	00
81	Ampicillin	Các dạng	2941	10	20
82	Amtriptyline	Các dạng	2921	49	00
83	Anastrozole	Các dạng	2933	11	90
84	Anhydric phtalic	Các dạng	2917	35	00
85	Anilenridin	Các dạng	2933	33	00
86	Aprotinin	Các dạng	2934	99	90

87	Arginine	Các dạng	2925	29	00
88	Arsen Trioxide	Các dạng	2811	29	90
89	Artemether	Các dạng	2932	99	90
90	Artemisinin	Các dạng	2932	20	00
91	Artesunat	Các dạng	2932	99	90
92	Artichoke	Các dạng	1302	19	90
93	Aspartam	Các dạng	2924	29	10
94	Aspartate	Các dạng	2922	49	90
95	Aspirin	Các dạng	2918	22	00
96	Atenolol	Các dạng	2924	29	90
97	Atovastatin	Các dạng	2915	90	90
98	Atracurium Besylate	Các dạng	2933	49	00
99	Atropin	Các dạng	2939	99	90
100	Attapulgit	Các dạng	2508	40	90
101	Azapentacen	Các dạng	2933	99	90
102	Azelastine	Các dạng	2933	99	90
103	Azithromycin	Các dạng	2941	50	00
104	Bạc Sulphadiazine	Các dạng	2935	00	00
105	Bacillus Clausii	Các dạng	2941	90	00
106	Bacillus Polyfermenticus	Các dạng	2941	90	00
107	Bacillus subtilis	Các dạng	2941	90	00
108	Bacitracin	Các dạng	2941	90	00
109	Baclofen	Các dạng	2922	49	90
110	Bambuterol	Các dạng	2924	29	90
111	Barbital	Các dạng	2933	53	00
112	Bari sulfat	Các dạng	2833	27	00
113	Basiliximab	Các dạng	3002	10	90
114	Beclomethasone	Các dạng	3004	32	90
115	Benazepril	Các dạng	2939	99	90
116	Benfluorex	Các dạng	2922	19	90
117	Benfotiamin	Các dạng	2933	59	90
118	Benzalkonium Chloride	Các dạng	3402	12	90
119	Benzathine Penicillin G	Các dạng	2941	10	90
120	Benzbromarone	Các dạng	2932	99	90
121	Benzfetamin	Các dạng	2921	46	00
122	Benzocain	Các dạng	2922	49	90
123	Benzonatate	Các dạng	3402	13	90
124	Benzoyl Peroxide	Các dạng	2916	32	00
125	Benzyl benzoat	Các dạng	2916	31	0
126	Berberin	Các dạng	2939	99	90
127	Besifloxacin	Các dạng	2933	49	00
128	Betahistine	Các dạng	2933	39	90
129	Betamethasone	Các dạng	2937	22	00
130	Betaxolol	Các dạng	2922	19	90
131	Bevacizumab	Các dạng	3002	10	90
132	Bezafibrate	Các dạng	2924	29	90
133	Bezitramid	Các dạng	2933	33	00